TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2017
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quang Truyền**.

2. Bà **Lê Ngọc Trầm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông **Dương Nguyên Khang** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1996.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Tổ 6, ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hải D**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:***

Chị T và anh D tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Anh chị sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D ham chơi, không quan tâm đến chị, bản thân chị lo sợ anh D ham chơi sẽ dẫn đến không chung thủy với chị nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, những lúc vợ chồng cãi nhau, cha mẹ chồng đều bênh vực anh D và chửi mắng chị. Trước khi làm đơn khởi kiện khoảng 10

ngày, anh D có đánh đập và đuổi chị đi nên chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị T và anh D chung sống có một con chung là Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 15/8/2015, hiện cháu A đang sống với anh D. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Hải D trình bày:***

Anh D thống nhất với chị T về thời gian sống chung và anh chị có đăng ký kết hôn do tự nguyện. Theo anh D, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị T không tôn trọng chồng, thường xuyên chửi mắng anh và hỗn hào với cha mẹ chồng. Ngoài ra, chị T còn có tính ghen tuông vô cớ, do đó vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Chị T đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Anh D nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với chị T nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung đúng như chị T trình bày. Khi ly hôn, anh D yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị T và anh D đều thuận tình ly hôn nên ghi nhận sự tự nguyện của anh chị.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu A và anh chị đều có nguyện vọng nuôi con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi nên cần giao cháu A cho chị T nuôi là phù hợp. Ghi nhận anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện sống chung vợ chồng năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Quá trình chung sống, chị T và anh D không có hạnh phúc kể từ năm 2016 do chị T không có niềm tin đối với chồng, anh chị thường xuyên chửi mắng và xúc phạm nhau. Chị Thụy về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay khoảng 03 tháng. Anh chị cho rằng tình cảm không còn và cùng

thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh chị.

[2] Về con chung: Chị T và anh D chung sống có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 15/8/2015, cháu A đang sống với anh D. Chị T cho rằng lý do cháu A sống với anh D vì chị bị anh D đánh đuổi đi và anh D cùng gia đình chồng gây sức ép không cho chị dẫn cháu A đi cùng nên chị phải bỏ con lại. Anh D cho rằng trong thời gian anh chị còn sống chung, chị T không biết chăm sóc con, anh D và bà nội là người thường xuyên cho cháu A ăn uống. Từ khi chị T bỏ đi đến nay, anh D và ông bà nội đều chăm sóc tốt cho con. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh D đều yêu cầu được nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của anh chị thấy rằng: Cháu A là con gái, còn nhỏ, tính đến ngày xét xử thì cháu A chưa tròn 24 tháng nên cháu rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, anh D có công việc ổn định là đi làm thuê nghề tráng bánh, thời gian làm việc của anh có khi từ 0 giờ đến 17 giờ ngày hôm sau, có khi từ 0 giờ đến 6 giờ ngày hôm sau nên trong thời gian đi làm, anh phải nhờ cha ruột trực tiếp chăm sóc cháu A, anh không trực tiếp chăm con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu A, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh D có nghĩa vụ giao cháu A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh D.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D đều trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T, anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án, xét thấy phù hợp với những nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Hải D.

2. Về con chung: Chị T và anh D có một con chung là Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 15/8/2015.

Buộc anh D có nghĩa vụ giao cháu A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Hải D không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh D còn phải trả cho chị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí thuận tình ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004150 ngày 25/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho chị T 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Hải D phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí thuận tình ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự tham gia tố tụng biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

HUỲNH THỊ NGỌC HẠNH